

THUẾ TỈNH THANH HÓA
THUẾ CƠ SỞ 13 TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2093/TCS13-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến một số nội
dung tại Luật Quản lý thuế số
108/2025/QH15.

Tỉnh Gia, ngày 25 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- UBND các phường: Tỉnh Gia, Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh, Đào Duy Từ, Trúc Lâm, Hải Bình, Nghi Sơn;
- UBND các xã: Các Sơn, Trường Lâm;
- Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và nhân dân trên địa bàn phường, xã nêu trên.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15. Theo đó, Luật Quản lý thuế gồm 9 Chương, 53 Điều. Ngoài những nội dung kế thừa quy định Luật hiện hành, những nội dung mới (sửa đổi, bổ sung) tại Luật gồm:

1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2): Bổ sung quy định rõ người nộp thuế là: Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Về phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế (Điều 3): Bổ sung mới Điều 3 quy định về phân nhóm người nộp thuế. Cơ quan thuế sẽ thực hiện phân nhóm người nộp thuế căn cứ theo các tiêu chí được quy định cụ thể tại Luật như ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù, phương thức hoạt động; loại hình pháp lý, cơ cấu sở hữu; quy mô hoạt động, quy mô doanh thu, số nộp ngân sách; mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế; các tiêu chí khác theo quy định của Bộ Tài chính để xác định chế độ ưu tiên đối với người nộp thuế trong quản lý thuế, phân bổ nguồn lực quản lý.

3. Về giải thích từ ngữ (Điều 4): (i) Sửa đổi giải thích một số thuật ngữ như: Thuế; Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu; Hệ thống thông tin quản lý thuế; Mã số thuế; Hồ sơ đăng ký thuế; Quản lý rủi ro trong quản lý thuế; Cơ sở dữ liệu thương mại; Các bên có quan hệ liên kết; Nguyên tắc giao dịch độc lập; (ii) Bổ sung, chuyển một số thuật ngữ xuống các điều liên quan như: Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP) và Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) (xuống khoản 2 Điều 30); Mã định danh khoản phải nộp (khoản 2 Điều 14); Nguyên tắc bản chất kinh tế của hoạt động, giao dịch phát sinh quyết định nghĩa vụ thuế (xuống khoản 4 Điều 6).

4. Về nội dung quản lý thuế (Điều 5): (i) Bổ sung quy định cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế theo phân nhóm người nộp thuế; (ii) Bổ sung nội dung quản lý thuế gồm: quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ.

5. Về nguyên tắc quản lý thuế (Điều 6): (i) Sửa đổi nguyên tắc quản lý thuế phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước; (ii) Bổ sung quy định người nộp thuế tự xác định nghĩa vụ thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp, tự kê khai thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và tự nộp thuế, các khoản thu khác; bổ sung nguyên tắc quản lý tuân thủ.

6. Về bảo mật, công khai thông tin người nộp thuế (Điều 7): Bổ sung quy định: cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin người nộp thuế cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác khi có yêu cầu bằng văn bản theo quy định của luật; cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin, cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước khác, tổ chức có liên quan trong nước và quốc tế khi thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm cung cấp, chia sẻ, trao đổi thông tin người nộp thuế phục vụ công tác quản lý thuế phải sử dụng thông tin đúng mục đích và bảo mật thông tin theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.

7. Về mã số thuế (Điều 11): Sửa đổi, bổ sung quy định rõ mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước.

8. Về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế (Điều 12):

- Bổ sung quy định trường hợp phải kéo dài thời gian gia hạn nộp hồ sơ khai thuế do Chính phủ quy định phù hợp với tình hình thực tế.

- Sửa đổi quy định về thời hạn khai bổ sung: giảm từ thời hạn 10 năm xuống 05 năm; Bổ sung quy định người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp còn sai, sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã thanh tra, kiểm tra dẫn đến phát sinh tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế đã được miễn, giảm, hoàn, giảm số thuế được khấu trừ, giảm số thuế đã nộp thừa thì người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình với cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm rà soát hồ sơ giải trình liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã thanh tra, kiểm tra của người nộp thuế, trường hợp chấp thuận hồ sơ giải trình của người nộp thuế thì cơ quan thuế ban hành thông báo chấp thuận cho người nộp thuế khai điều chỉnh hồ sơ khai thuế. Người nộp thuế bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện. Công chức thanh tra, kiểm tra thuế liên quan đến hồ sơ giải trình chịu trách nhiệm về sai, sót chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra trong trường hợp tuân thủ chưa đúng quy định.

9. Về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân (Điều 13):

Sửa đổi quy định về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân theo hướng:

- Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế; Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân; Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp.

- Đối với các loại thuế khác và khoản thu khác: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế, khoản thu khác phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế, quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai thuế, tính thuế đối với từng loại thuế theo kỳ tính thuế. Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế cung cấp thông tin để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác: Trường hợp nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác (trong nước hoặc nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Trường hợp nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế, tính thuế và nộp thuế theo quy định.

Giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này và các nội dung sau: việc quyết toán thuế và xử lý tiền thuế, khoản thu khác nộp thừa; phạm vi trách nhiệm, cách thức các chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm khai thay, nộp thuế thay của tổ chức trong trường hợp hợp tác kinh doanh với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, ký hợp đồng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá đối với xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ, thủ tục kê khai doanh thu, kê khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế, chế độ kế toán áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

10. Về nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 14): Bổ sung quy định trường hợp số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế nộp theo mã định danh khoản phải nộp. Đồng thời, bổ sung khái niệm mã định danh khoản phải nộp.

11. Về xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (Điều 15):

- Bổ sung khái niệm số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

- Bổ sung quy định: “Việc bù trừ trong cùng hoặc giữa các loại thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt và do hệ thống thông tin quản lý thuế thực hiện tự động hoặc theo đề nghị của người nộp thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

- Bổ sung quy định: “Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa khi nhập khẩu hàng hóa và đã thực hiện kê khai khấu trừ số tiền thuế nộp thừa với cơ quan thuế thì việc xử lý số tiền thuế đã khấu trừ, nộp thừa thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính”

12. Về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, khoản thu khác (Điều 16):

- Bổ sung quy định trường hợp phải nộp tiền chậm nộp đối với: cơ quan, tổ chức được giao quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước chậm nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền đã thu được; cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng khấu trừ thuế, nộp thuế, khoản thu khác thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan nộp tiền không đầy đủ, không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định: “Sau 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nộp tiền thuế, nhưng người nộp thuế chưa xác định số tiền chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế xác định số tiền chậm nộp và thông báo cho người nộp thuế”.

- Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định điều chỉnh mức tính tiền chậm nộp phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

13. Về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (Điều 17):

- Bổ sung quy định hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong một số trường hợp: (i) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản, tổ chức lại; (ii) trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trừ trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định: “Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ có liên quan đến hồ sơ thuế của doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.”

- Bổ sung quy định người được giao quản lý di sản thực hiện hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết trong phần di sản của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết để lại hoặc phần tài sản người thừa kế được chia tại thời điểm nhận thừa kế.

- Bổ sung trường hợp phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xuất cảnh đối với: cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

- Bổ sung quy định: Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân cư trú tại Việt Nam thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật thuế; Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn trực tiếp hoặc gián tiếp cho tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân cư trú tại Việt Nam thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay số thuế phải nộp của bên chuyển nhượng. Trường hợp cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam nơi bên chuyển nhượng vốn đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế phải nộp của bên chuyển nhượng theo quy định của pháp luật thuế.

14. Hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 18):

- Bổ sung quy định hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được Tòa án giao quản lý tài sản của người đã chết, người bị tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự được nhận tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Bổ sung quy định cơ quan thuế triển khai việc hoàn thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Cơ quan thuế có trách nhiệm triển khai việc hoàn thuế tự động theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế, điều kiện về hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, bổ sung quy định thẩm quyền cơ quan thuế quyết định việc hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế tự động.

15. Về miễn thuế và khoản thu khác, giảm thuế và khoản thu khác, không thu thuế, không chịu thuế (Điều 19): Bổ sung quy định cơ quan thuế triển khai việc miễn thuế, giảm thuế tự động cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Cơ quan thuế

có trách nhiệm triển khai việc miễn thuế, giảm thuế tự động theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế, điều kiện về hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, bổ sung thẩm quyền cơ quan quản lý thuế quyết định việc miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp miễn thuế, giảm thuế tự động.

16. Về khoanh tiền thuế nợ (Điều 20):

- Bổ sung trường hợp được khoanh tiền thuế nợ theo văn bản đề nghị của Tòa án theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

- Bổ sung quy định khoanh tiền thuế nợ đối với trường hợp: Người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng về đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản.

17. Về xóa tiền thuế nợ (Điều 21): Bổ sung trường hợp được xóa tiền thuế nợ đối với: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản và đã thực hiện thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản mà không còn tài sản.

18. Về kiểm tra thuế (Điều 22): Bổ sung nguyên tắc ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử; việc kiểm tra của cơ quan thuế không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước; nguyên tắc kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất kinh tế của hoạt động, giao dịch phát sinh quyết định nghĩa vụ thuế;

- Sửa đổi quy định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với người nộp thuế có rủi ro cao thuộc các trường hợp: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh.

- Sửa đổi thời hạn kiểm tra thuế để phù hợp với đặc thù của kiểm tra thuế khi cơ quan thuế không còn chức năng thanh tra thuế (tăng từ 10 ngày lên 20 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra, đối với kiểm tra giao dịch liên kết thời hạn kiểm tra không quá 40 ngày, trường hợp phức tạp phải trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài thì thời hạn kiểm tra thuế có thể kéo dài nhưng không quá 02 năm); Bổ sung quy định kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế.

19. Về hóa đơn điện tử (Điều 26): Bổ sung giao Bộ Tài chính quy định biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và thực hiện khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử được ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định.

20. Biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế (Điều 23): Bổ sung 2 biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế, tương tự quy định về thanh tra thuế tại Luật hiện hành, gồm: (i) thu thập thông tin liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế; (ii) tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế.

21. Bổ sung một Chương IV về hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế (Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31):

- Điều 28 về phạm vi hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế: bổ sung quy định về phạm vi hợp tác quốc tế về thuế mà Việt Nam ký kết, tham gia phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.

- Điều 29 về nguyên tắc hợp tác quốc tế, quản lý thuế quốc tế: Bổ sung mới Điều này để quy định các nguyên tắc để thực hiện về hợp tác quốc tế, quản lý thuế quốc tế. Trong đó quy định 03 nguyên tắc: Tôn trọng chủ quyền quốc gia, bình đẳng và các bên cùng có lợi; Tuân thủ điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết; Bảo đảm bí mật thông tin và quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết, cam kết quốc tế về thuế liên quan.

- Điều 30 về nội dung quản lý thuế quốc tế của cơ quan quản lý thuế: Cơ bản kế thừa các nội dung tại Điều 12 Luật QLT 2019, ngoài ra bổ sung mới 02 nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế: Hướng dẫn thực hiện và xử lý hồ sơ áp dụng các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, điều ước quốc tế về thuế khác; Triển khai thực hiện các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu, quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết và các nghĩa vụ thành viên khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết.

- Điều 31 về nguyên tắc thực hiện MAP và APA: Bổ sung mới nguyên tắc thực hiện MAP, APA và thời điểm có hiệu lực của APA.

22. Bổ sung một Chương V quy định về Quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ, ứng dụng công nghệ, dữ liệu và chuyển đổi số (Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36):

- Điều 32 về nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro, tuân thủ và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, tối ưu hóa nguồn lực của cơ quan quản lý thuế; tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và khuyến khích người nộp thuế tự giác tuân thủ pháp luật thuế; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi không tuân thủ pháp luật về thuế.

- Điều 33 về quản lý rủi ro trong quản lý thuế: cơ bản kế thừa Điều 9 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

- Điều 34 về quản lý tuân thủ trong quản lý thuế. Quy định này là khung pháp lý để cơ quan thuế có cơ sở rõ ràng để triển khai việc quản lý tuân thủ người nộp thuế để cơ quan quản lý thuế áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp nhằm khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện và tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng.

- Điều 35 về Hệ thống thông tin quản lý thuế, hệ thống này được xử lý tập trung, tích hợp; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ số cho người nộp thuế.

- Điều 36 về bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ. Quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, các đơn vị có liên quan và cơ quan quản lý thuế phải bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin người nộp thuế nhằm đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của người nộp thuế. Đồng thời quy định rõ, trong trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của hệ thống thông tin quản lý thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế và không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ thuế của cơ quan thuế trong thời gian xảy ra sự cố.

23. Về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế (Điều 37): Bổ sung một số quyền của người nộp thuế trong đó có quyền: được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật; được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp; không phải nộp các chứng từ, tài liệu, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ thuế mà cơ quan quản lý thuế đã có...

- Bổ sung nghĩa vụ của người nộp thuế cung cấp thông tin cho cơ quan thuế để thực hiện trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế; sử dụng đúng mục đích các hàng hóa, dịch vụ miễn thuế, khoản thu khác, không chịu thuế theo kê khai, nếu thay đổi mục đích, phải kê khai lại và nộp tiền thuế, khoản thu khác và các khoản phát sinh theo quy định pháp luật; người nộp thuế là doanh nghiệp xã hội có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản thu từ hoạt động hợp tác, tài trợ và hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng cho mục đích xã hội, môi trường, theo quy định của pháp luật thuế và pháp luật liên quan.

24. Về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, các bên liên quan trong quản lý thuế (Điều 38, Điều 39, Điều 40):

(i) Bổ sung một số nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế: ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hỗ trợ người nộp thuế kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế và nâng cao tuân thủ pháp luật thuế; xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Xác nhận hoàn thành giao dịch trong trường hợp người nộp thuế hoàn thành giao dịch theo phương thức điện tử; cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (bao gồm số tiền thuế, khoản thu khác nộp thừa), thông báo số tiền thuế nợ, qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế; quản lý thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới, kinh tế số, thương mại điện tử, tài sản số và loại hình, giao dịch kinh tế mới phát sinh; hỗ trợ người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục thuế; công chức quản lý thuế có nhiệm vụ và chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ thuế đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó; Bổ sung quyền hạn của cơ quan quản lý thuế: Yêu

cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác quản lý thuế, trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về thuế; yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh tạm dừng thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh khi đang xử lý vi phạm thuế **(Điều 38)**.

(ii) Bổ sung nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có nhiệm vụ: thực hiện kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản đối với người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp kê biên tài sản; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp **(khoản 5 Điều 39)**;

(iii) Bổ sung nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức được giao quản lý thu đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thực hiện tổ chức thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành và được áp dụng quy định về tính tiền chậm nộp, xử lý số tiền nộp thừa theo quy định của luật này, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm c, d, h khoản 1 Điều 49 Luật này; cơ quan nhà nước, tổ chức được giao thu phí, lệ phí thực hiện tổ chức thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí; được áp dụng quy định về tính tiền chậm nộp, xử lý số tiền nộp thừa theo quy định của luật này, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm c, d, h khoản 1 Điều 49 Luật này **(khoản 6, khoản 7 Điều 39)**;

(iv) Bổ sung trách nhiệm của cơ quan nhà nước cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế để thực hiện các thỏa thuận quốc tế hoặc điều ước quốc tế về thuế **(điểm g khoản 8 Điều 39)**;

(v) Sửa đổi, bổ sung quy định Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có trách nhiệm xác định hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế của người nộp thuế khi kiểm toán, thanh tra trực tiếp kiểm toán, thanh tra người nộp thuế hoặc thực hiện kiểm toán, thanh tra tại cơ quan quản lý thuế **(khoản 9, 10 Điều 39)**;

(vi) Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí **(khoản 12 Điều 39)**;

(vii) Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán **(khoản 2 Điều 40)** bổ sung quy định:

- Thực hiện kết nối, chia sẻ các thông tin liên quan đến giao dịch và các thông tin khác của người nộp thuế để phục vụ quản lý thuế; cung cấp các thông tin, các giao dịch bất thường theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế để thực hiện các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết;

- Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (không bao gồm Ngân hàng nhà nước) cung cấp thông tin về hàng hóa nhập khẩu được thế chấp làm tài sản bảo đảm các khoản vay theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

- Trường hợp bên nhận bảo đảm (không bao gồm Ngân hàng nhà nước) bán tài sản bảo đảm để xử lý nợ theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm và pháp luật về tổ chức tín dụng thì bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận theo pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến giao dịch xử lý tài sản bảo đảm thay cho bên bảo đảm;

- Trường hợp bán tài sản bảo đảm là hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì bên bán tài sản bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận theo pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản bảo đảm thay cho bên bảo đảm;

- Đối với số tiền thuế, khoản thu khác chậm nộp hoặc nộp không đầy đủ vào ngân sách nhà nước do lỗi của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán dẫn đến người nộp thuế bị tính tiền chậm nộp thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm thanh toán tiền chậm nộp cho người nộp thuế theo quy định của Luật này.

(viii) Về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân khác (**khoản 3 Điều 40**) bổ sung quy định:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế để thực hiện các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế;

- Người được uỷ quyền, bảo lãnh hoặc nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan quản lý thuế để làm căn cứ ấn định thuế theo quy định tại Điều 25 Luật này;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến người nộp thuế có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý thuế bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế;

- Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản số, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic, các tổ chức thể quốc tế, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ xử lý giao dịch điện tử cho các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin định kỳ hoặc theo yêu cầu cho cơ quan quản lý thuế;

- Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cung cấp thông tin về chi trả thu nhập và số tiền thuế khấu trừ của người nộp thuế, số tiền thuế, khoản thu khác đã kê khai thay, nộp thay cho cơ quan quản lý thuế theo quy định của Chính phủ;

- Bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế cung cấp thông tin về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm

giữ của đối tượng thuộc diện cưỡng chế và có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ thay cho đối tượng bị cưỡng chế;

- Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá có trách nhiệm cung cấp thông tin về tên hàng, số lượng, trị giá đã được kê biên, bán đấu giá cho cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế đối với hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế.

Trường hợp tổ chức bán đấu giá thực hiện việc bán tài sản bảo đảm để xử lý nghĩa vụ của người nộp thuế, nếu quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đã được chuyển sang tổ chức bán đấu giá thì tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm kê khai, nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phát sinh từ tài sản bảo đảm. Nếu tài sản bảo đảm vẫn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người nộp thuế thì tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế, khoản thu khác của người nộp thuế liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế có liên quan đến tài sản bảo đảm là hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế theo quy định thay người nộp thuế.

(ix) Về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (**khoản 5 Điều 40**): Bổ sung quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là cá nhân có đủ tiêu chuẩn kinh doanh dịch vụ tư vấn thuế và hoạt động theo quy định của pháp luật, thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế theo thỏa thuận với người nộp thuế;

25. Về khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp về thuế (Điều 41): Bổ sung quy định giải quyết tranh chấp về thuế có yếu tố nước ngoài giữa người nộp thuế là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam với cơ quan quản lý thuế Việt Nam, liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài (khoản 4 Điều 41).

26. Về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 48, Điều 49, Điều 50):

- Bổ sung trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với người nộp thuế có tiền thuế nợ nhưng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; quy định cơ quan thuế không thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế có khoản nợ đang làm thủ tục bù trừ qua hoàn thuế.

- Bổ sung thêm một biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế là nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản.

- Bổ sung thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản thực hiện theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.

27. Về điều khoản thi hành (Điều 52): Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Riêng quy định tại Điều 13 và sử dụng hóa đơn đối với hộ

kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 của Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 53 của Luật này. Riêng quy định tại Điều 51 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Giao Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật này và hướng dẫn thực hiện Luật này theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý; quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết; quy định việc xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý thuế.

28. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 53): quy định các vấn đề chuyển tiếp để áp dụng thống nhất, tránh phát sinh vướng mắc đối với: Các khoản thuế được miễn, giảm, không thu theo quy định của pháp luật tương ứng từng thời kỳ, phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

- Các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 thì được xử lý theo quy định của Luật này.

- Các cuộc kiểm tra có quyết định kiểm tra được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành kết luận hoặc quyết định xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Thuế cơ sở 13 tỉnh Thanh Hóa giới thiệu nội dung mới (sửa đổi, bổ sung) tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (*file gửi kèm theo*).

Đồng thời, kính đề nghị UBND các phường, xã phối hợp nghiên cứu, triển khai tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và nhân dân biết và thực hiện.

Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện, đề nghị liên hệ theo số điện thoại 0913309455 (Đ/c Lê Ngọc Giang – Tổ trưởng Tổ Nghiệp vụ, Dự toán, Pháp chế, Thuế cơ sở 13 tỉnh Thanh Hóa), Email: Thuecoso13.tho@gdt.gov.vn để được hỗ trợ, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TCS13;
- Các Tổ Thuế;
- Lưu: VT; NVDTPC.

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



Nguyễn Xuân Hùng